

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG MẠNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG MẠNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANH PHAT INFRASTRUCTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110853716

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 146 phố Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0375179279

Fax:

Email: [cpmanhphat@gmail.com](mailto:cpmanhphat@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                      | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                          | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                           | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện<br>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại)       | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                    | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                     | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn                                                         | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                               | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                        | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                  | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299        |
| 13. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                  | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                       | 4312(Chính) |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)                                               | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ tại trụ sở)                                   | 4322 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi,...                                                                                                                 | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330 |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà,... | 4390 |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                              | 4752 |
| 22. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4911 |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4912 |
| 24. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4921 |
| 25. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                          | 4922 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 27. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5012 |
| 28. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5022 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5221 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>(Trừ hoạt động hoa tiêu)                                                                                                                                                                                                                                             | 5222 |
| 31. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5225 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Không bao gồm vận tải hàng hóa hàng không)                                                                                                                                                                                                                                | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THỊ<br>ĐAI    | Thôn Đồng Vũ,<br>Xã Trường Thịnh,<br>Huyện Ứng Hoà,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 10,000       | 0011810082<br>44                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>VĂN HOÀI | Tổ 1 ấp 6, Xã<br>Xuân Tây, Huyện<br>Cẩm Mỹ, Tỉnh<br>Đồng Nai, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.500.0<br>00 | 35.000.000.000           | 70,000       | 0010730350<br>69                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                            | 3.500.0<br>00 | 35.000.000.000           | 70,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                  |                           |           |                |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ĐỨC MẠNH | Số 41 phố Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 20,000 | 037075003496 |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                  | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                                                  |                           | 00        |                |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀI
Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1973
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001073035069

Ngày cấp: 29/09/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 1 ấp 6, Xã Xuân Tây, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 1 ấp 6, Xã Xuân Tây, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội